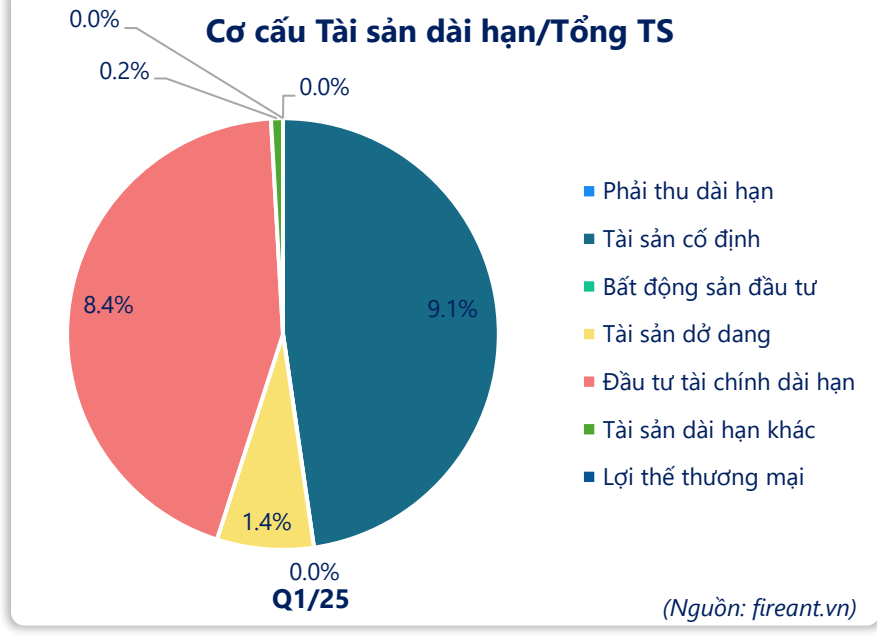
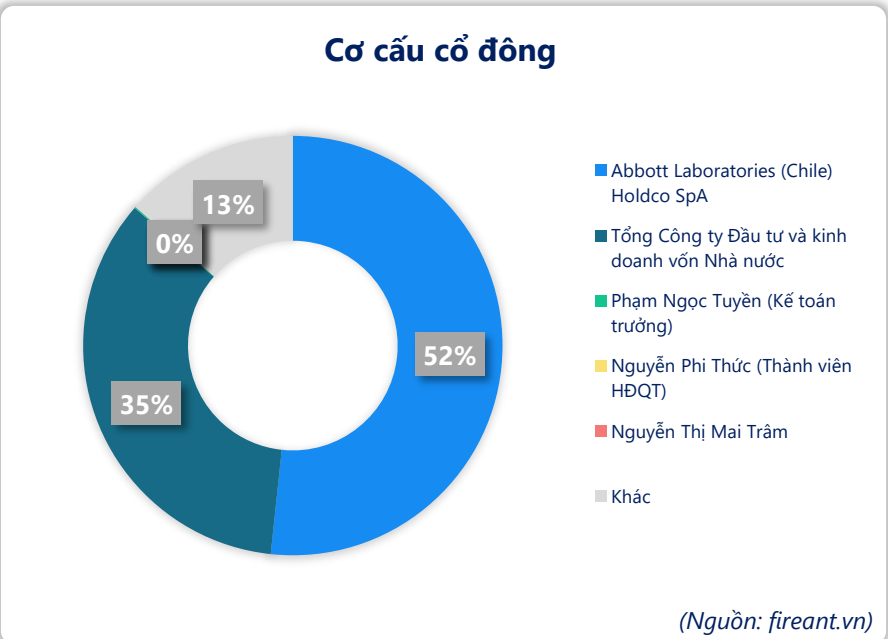
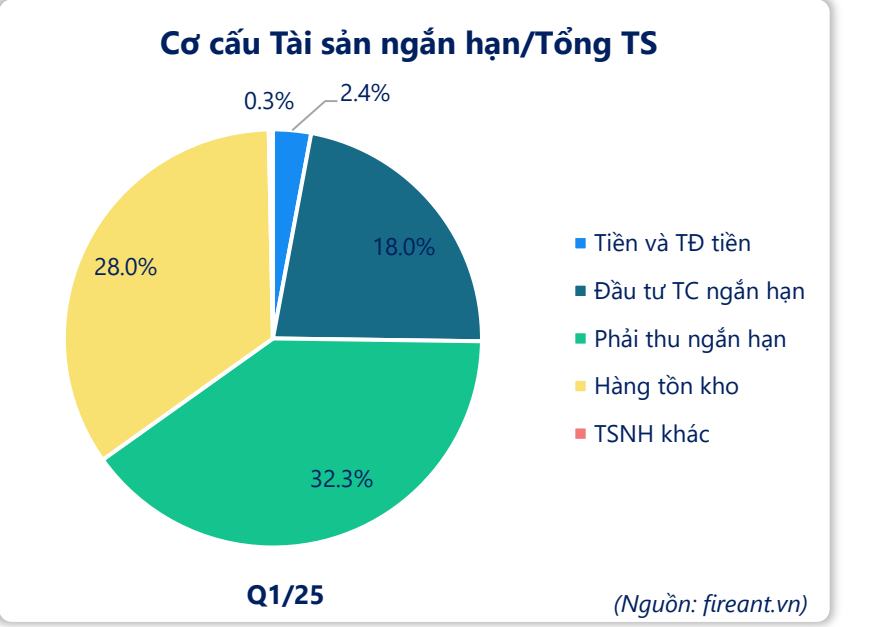
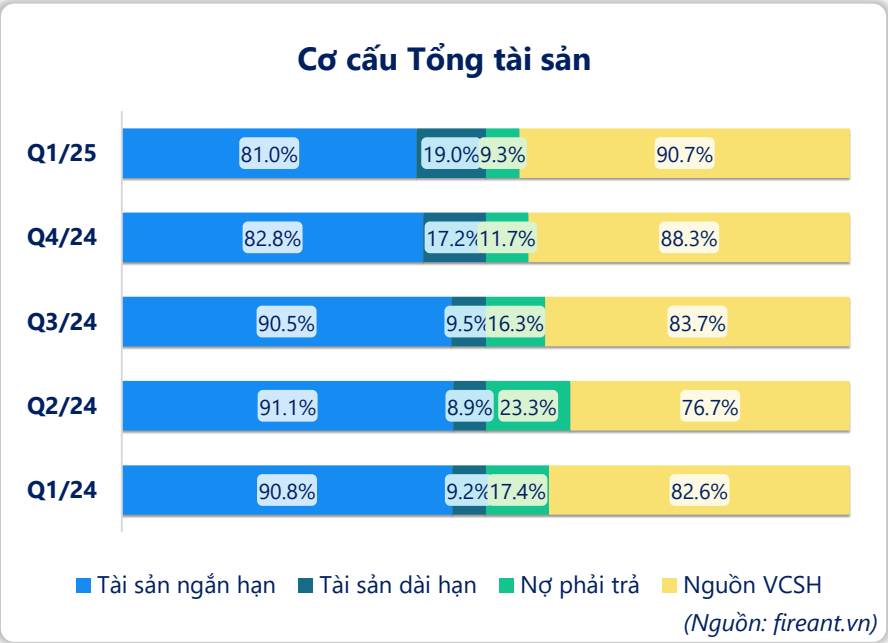
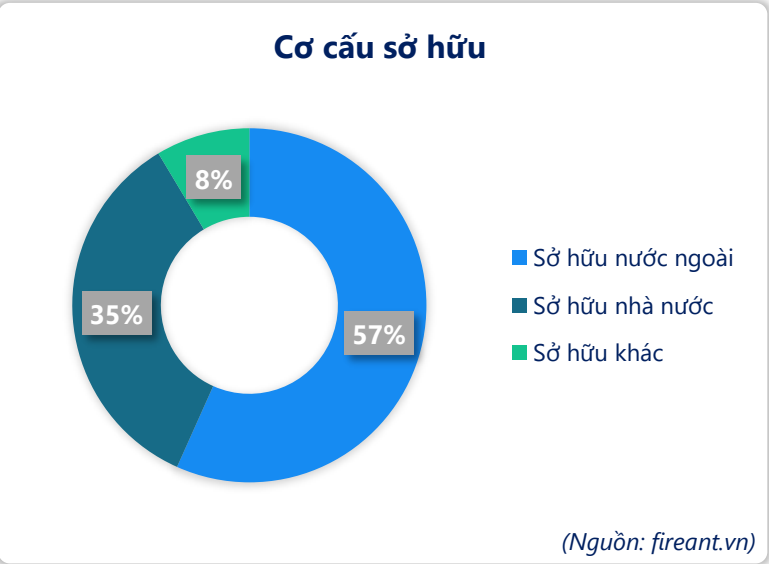
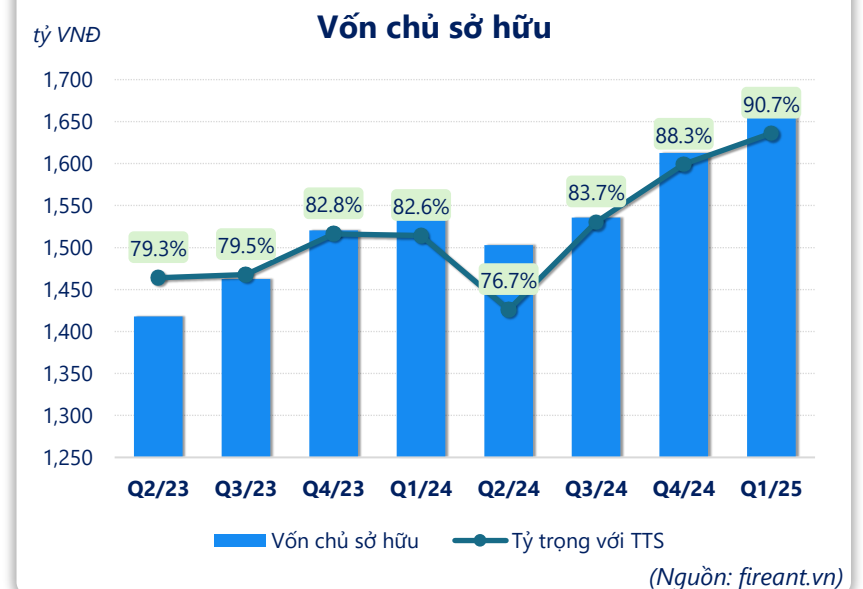
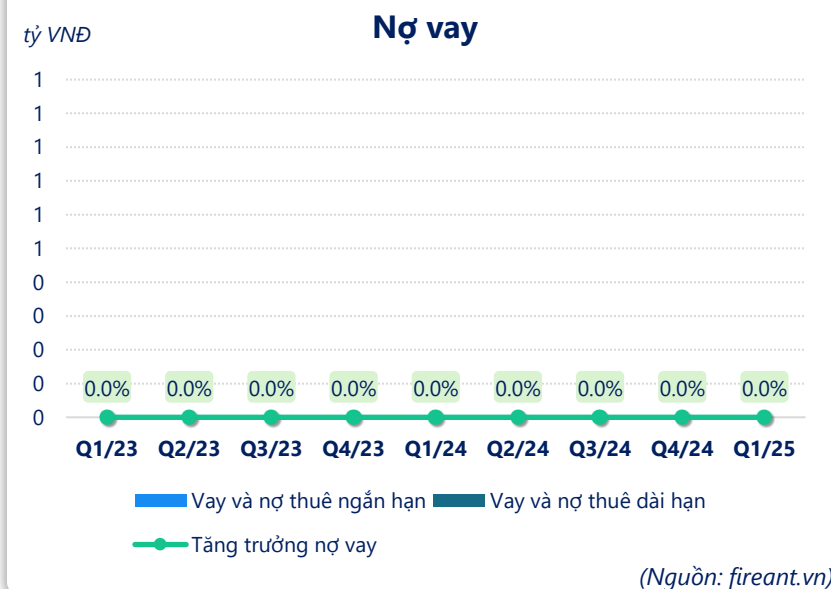
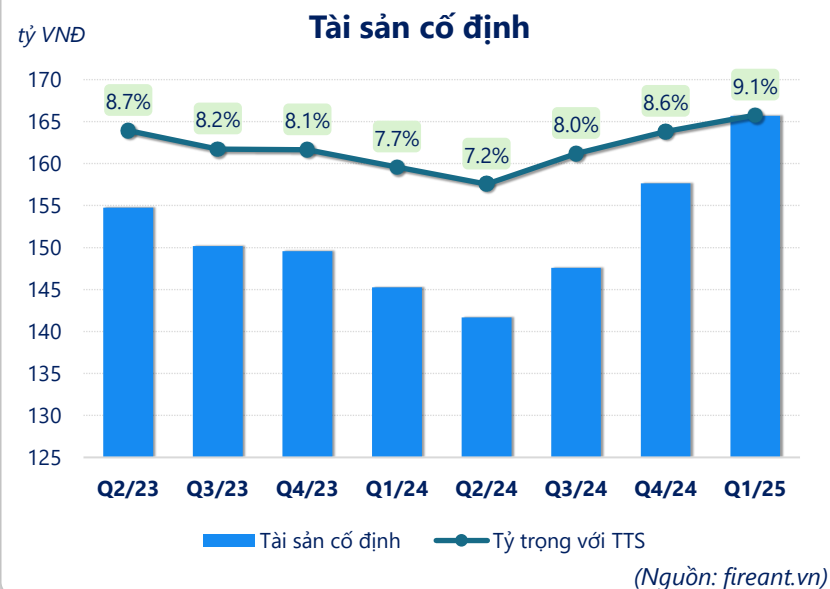
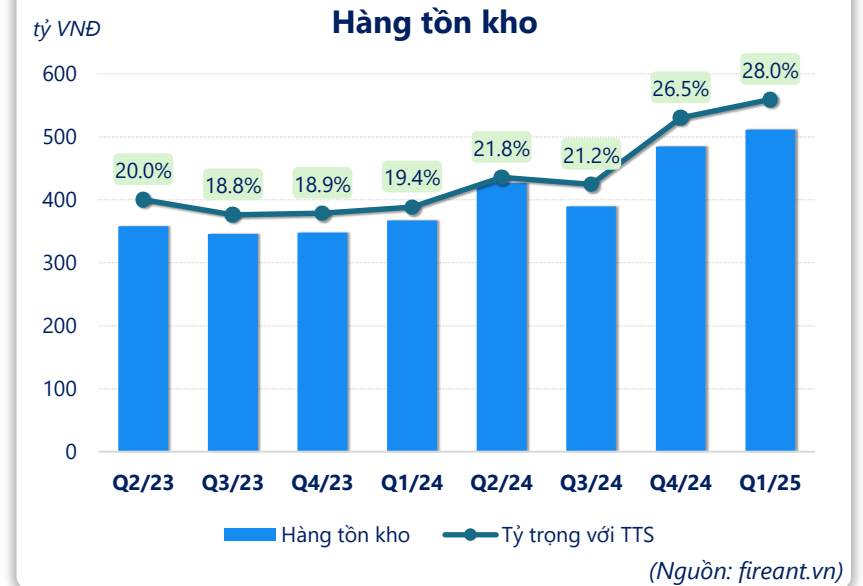
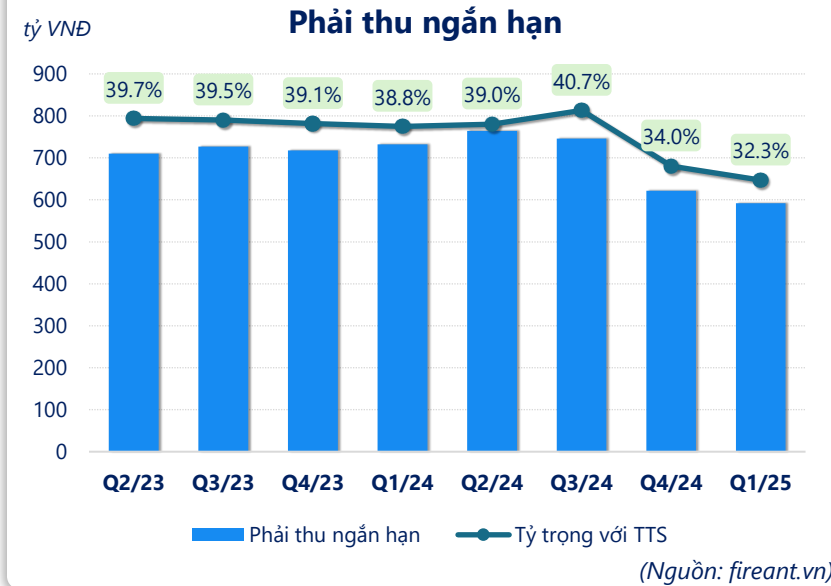
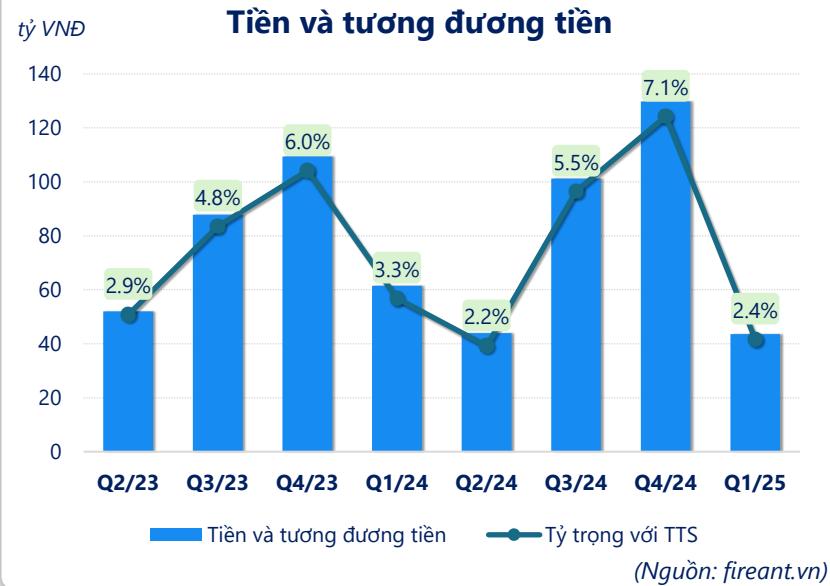
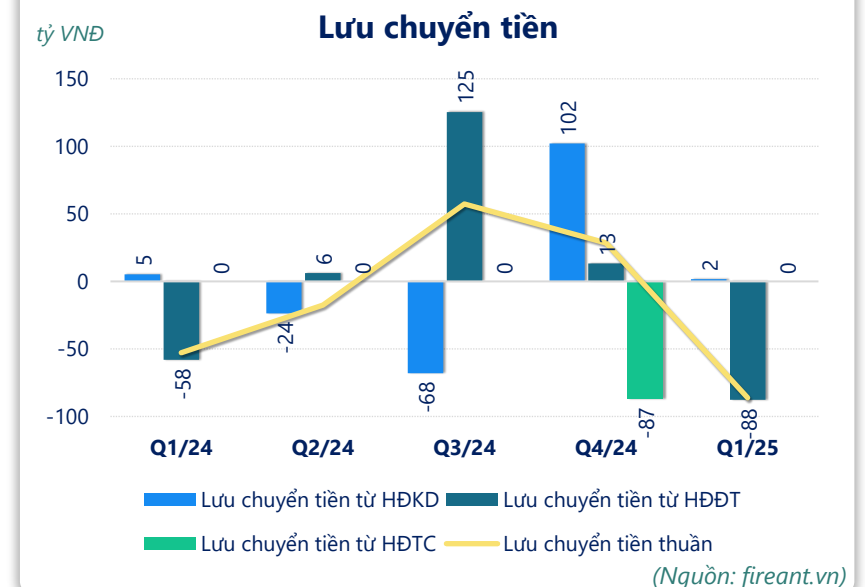
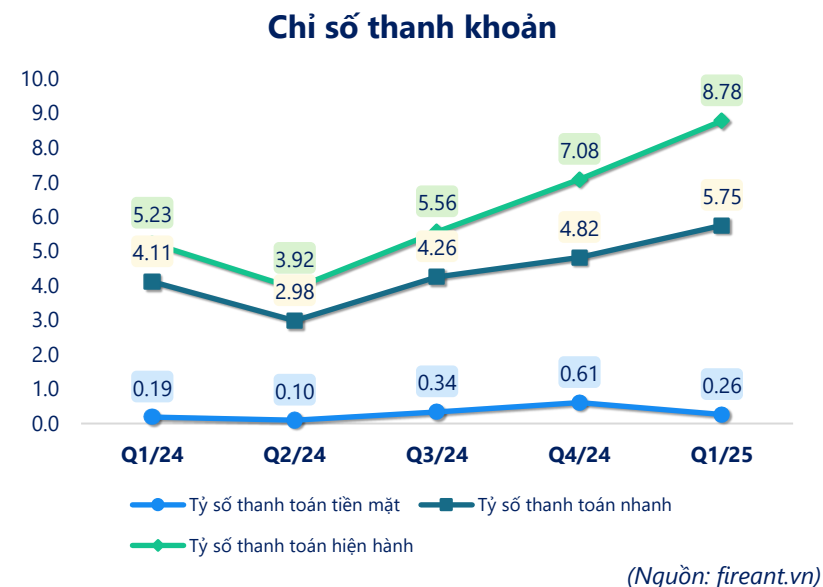
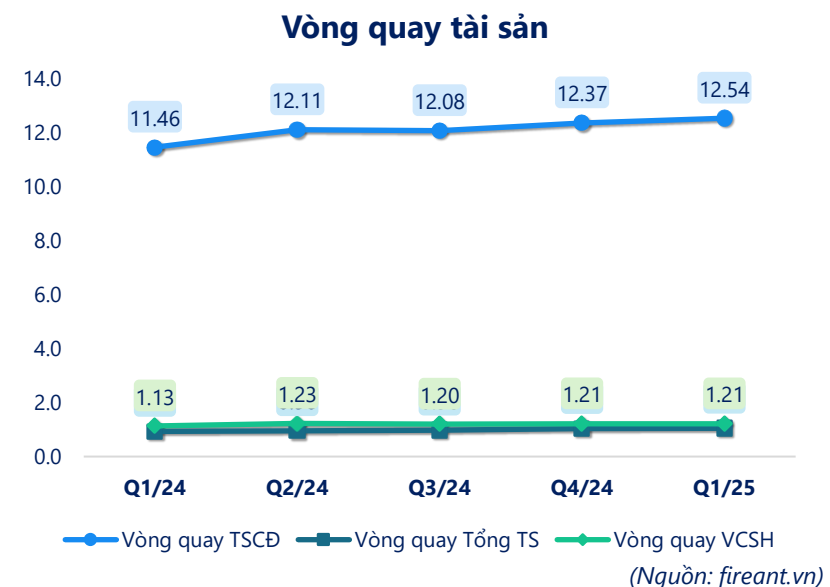
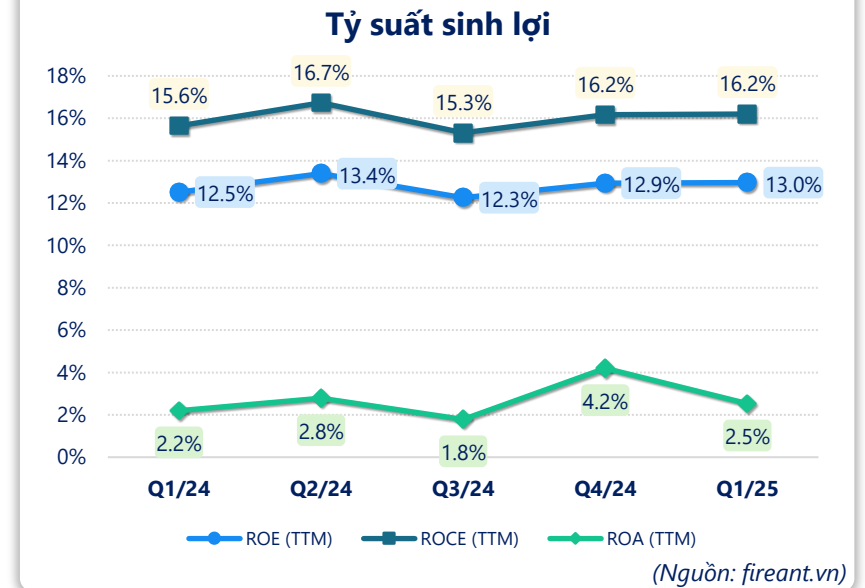
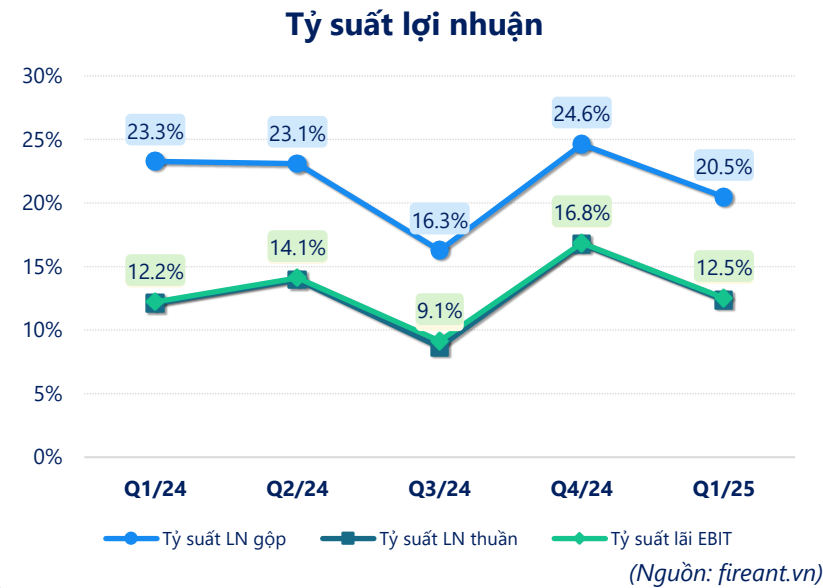
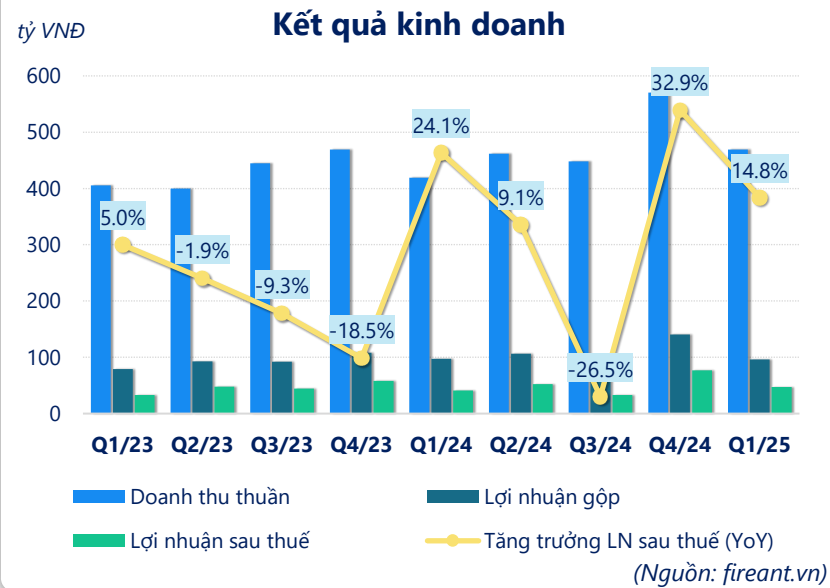


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		67,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		83,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		59,689
SL cổ phiếu LH		34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,070
% sở hữu nước ngoài		56.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,355
P/E		11.3
EPS		6,012

	YTD	1T	3T	6T
DMC	-7.5%	-1.0%	0.7%	-4.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,829	1,841	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	1,481	1,527	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	43.6	130	-66.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	330	274	20.4%
Phải thu ngắn hạn	592	622	-4.9%
Hàng tồn kho	512	494	3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.76	7.01	-32.1%
Tài sản dài hạn	347	313	10.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	166	158	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.2	24.7	1.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	153	128	19.5%
Tài sản dài hạn khác	3.10	2.65	17.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	169	228	-25.8%
Nợ ngắn hạn	169	228	-25.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	129	161	-20.0%
Nợ dài hạn	0.50	0.46	7.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,660	1,613	2.9%
Vốn chủ sở hữu	1,660	1,613	2.9%
Vốn điều lệ	347	347	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	419	462	448	571	469
Giá vốn hàng bán	322	355	375	430	373
Lợi nhuận gộp	97.5	107	72.9	140	96.1
Doanh thu HĐTC	8.21	6.90	11.3	3.29	11.8
Chi phí TC	1.50	3.25	0.19	1.19	1.18
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.7	27.1	26.5	27.4	28.1
Chi phí QLDN	20.9	18.8	18.7	19.4	20.5
LN thuần từ HĐKD	50.7	64.4	38.8	95.7	58.0
Lợi nhuận khác	0.56	0.73	2.19	0.38	0.78
LN trước thuế	51.2	65.1	41.0	96.1	58.8
Lợi nhuận sau thuế	41.0	52.1	32.8	76.9	47.0
LNST của CĐ cty mẹ	41.0	52.1	32.8	76.9	47.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.27	-23.8	-68.0	102	1.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.2	6.23	125	13.1	-87.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-86.8	0
Tiền đầu kỳ	114	61.5	43.9	101	130
Lưu chuyển tiền thuần	-52.9	-17.6	57.3	28.5	-86.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	61.5	43.9	101	130	43.6

(Nguồn: fireant.vn)